

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2020.

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia
đình.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Ông Phạm Đức Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2020 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2020 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 02/2020/TB-TA ngày 04/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Tiến M, sinh năm: 1984

2. *Bị đơn:* Chị Giang Thị B, sinh năm: 1984

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Tổ 07, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là anh Phạm Tiến M trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Anh và chị Giang Thị B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Bình vào ngày 02/01/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng lạnh nhạt, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, tuy sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống chung được nữa, không thể đoàn tụ nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Giang Thị B.

Về con chung: Anh và chị B có 02 con chung là Phạm Hiểu A, sinh ngày 24/7/2009 và Phạm Hiểu T, sinh ngày 08/9/2013. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hiểu T, chị B trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hiểu A, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 6/2020 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Hiện nay anh đang làm kế toán trưởng tại Công ty cổ phần thương mại tổng hợp V, thu nhập bình quân hằng tháng 15.000.000 đồng, anh có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc và cấp dưỡng nuôi con. Chị B hiện đang làm tại Công ty Y, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Anh và chị B tự phân chia tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản.

*) Bị đơn là chị Giang Thị B trình bày:

Về điều kiện và thủ tục kết hôn giữa chị và anh Phạm Tiến M như anh M đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày 04/3/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng lạnh nhạt với nhau, ít quan tâm, chăm sóc nhau, anh Mạnh có chửi và đánh chị. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã ly thân từ 01/6/2020 đến nay, tuy vẫn sống cùng nhà nhưng ít chuyện trò và ăn cơm cùng nhau. Chị thấy mâu thuẫn giữa chị và anh M chưa đến mức phải ly hôn, chị muốn đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Vì vậy, anh M xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là Phạm Hiểu A, sinh ngày 24/7/2009 và Phạm Hiểu T, sinh ngày 08/9/2013. Nếu phải ly hôn, chị đề nghị

được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/con (hai con là 4.000.000đ/tháng). Hiện nay chị đang là nhân viên tại Công ty Y, thu nhập bình quân khoảng 9.000.000 đồng/tháng. còn thu nhập của anh M như thế nào chị không nắm được.

Về tài sản chung: Chị và anh M tự phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi anh M và chị B đang cư trú cung cấp nội dung như sau:

Anh Phạm Tiến M và chị Giang Thị B có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Tổ 07, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống giữa anh M và chị B có xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn cụ thể thế nào thì chỉ anh M và chị B nắm được, chính quyền địa phương chưa phải can thiệp. Việc đoàn tụ hay ly hôn là do anh chị quyết định, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh M và chị B có 02 con chung như anh chị đã trình bày là đúng. Việc giao con cho ai nuôi đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của từng người, đảm bảo quyền lợi cho các cháu, phù hợp quy định của pháp luật.

Về tài sản chung của anh M và chị B thì địa phương không nắm được, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Tại phiên tòa, anh M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết xin ly hôn chị B và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hiểu T, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị B 2.000.000đ/tháng. Chị B không đồng ý ly hôn, nếu phải ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/con, nếu không được nuôi cả hai con chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hiểu T, anh M trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hiểu A, chị đồng ý việc anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 147; 203; 235271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Tiến M được ly hôn chị Giang Thị B.

+ Về nuôi con chung: Xử giao cho anh M được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hiểu A; chị M được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hiểu T; anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị B 2.000.000đ/tháng.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Anh M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hôn nhân giữa anh Phạm Tiến M và chị Giang Thị B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng lạnh nhạt, cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị đã ly thân, tuy sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh M kiên quyết xin ly hôn, chị B không đồng ý ly hôn vì theo chị mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn nhưng chị cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với anh M. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh M và chị B là có thật và ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Phạm Tiến M được ly hôn chị Giang Thị B là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nuôi con chung: Anh M và chị B có 02 con chung là Phạm Hiểu A, sinh ngày 24/7/2009 và Phạm Hiểu T, sinh ngày 08/9/2013, hiện cả hai con đang ở cùng anh chị. Ly hôn, anh M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hiểu T, chị B trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hiểu A; anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Chị B đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/con/tháng (hai con là 4.000.000đ/tháng); nếu không được nuôi cả hai con thì chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hiểu T vì con còn nhỏ, ăn uống khó khăn nên cần sự chăm sóc của chị; còn con Phạm Hiểu A đã tự lo được một số công việc của bản thân nên chị đề nghị giao cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của các

đương sự Hội đồng xét xử thấy: Anh M và chị B đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con, tuy nhiên, thu nhập của chị B thấp hơn anh M, thời gian làm việc của chị B vất vả hơn nên nếu giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con sẽ gặp nhiều khó khăn, không đảm bảo được quyền lợi cho các con. Vì vậy, cần giao cho mỗi người được trực tiếp nuôi dưỡng một con là phù hợp, sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các con. Mặc dù cháu Phạm Hiểu A đã có thể tự lo được một số công việc của bản thân và có nguyện vọng muốn ở cùng anh M khi bố mẹ ly hôn nhưng cháu là con gái, đang độ tuổi dậy thì, có nhiều thay đổi về tâm sinh lý nên cần một người phụ nữ trưởng thành đồng hành cùng cháu, hướng dẫn cho cháu những gì cháu cần làm để cháu phát triển bình thường về tâm sinh lý, người mẹ sẽ là người thực hiện điều này tốt nhất. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hiểu T, giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hiểu A, anh M cấp dưỡng nuôi con cùng chị B 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 6/2020 cho đến khi con tròn 18 tuổi là phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Phạm Tiến M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147; 203; 235; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Tiến M được ly hôn chị Giang Thị B.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cho anh Phạm Tiến M được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hiểu T, sinh ngày 08/9/2013; giao cho chị Giang Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hiểu A, sinh ngày 24/7/2009. Anh M cấp dưỡng nuôi con cho chị B 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 6/2020 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Anh M và chị B có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Tiến M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, chuyển số tiền 300.000 đồng anh M đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0004763 ngày 17/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành án phí, anh M còn phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/8/2020.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Thái Bình;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP.Thái Bình;
- UBND xã Đông Động, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- UBND phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái